TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023.
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà X và ông G.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **31** tháng **3** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 312/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn:*** Bà **Đinh Thị X**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

**** Bị đơn***: Ông **Phan Đức G**, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Thôn 15, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đinh Thị X trình bày:

** Về hôn nhân:*

Bà X và ông G tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/01/2010. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống được 01 năm thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; ông G rượu chè, gái gú và bỏ bê công việc, bà X đã cố gắng hàn gắn nhưng ông G vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông G.

Còn ông G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy không có lời khai của ông G tại Tòa án.

** Về con chung:* Bà X trình bày vợ chồng chung sống có 01 người con chung là cháu Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 29/10/2010. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay một mình bà X nuôi con chung. Vì vậy, khi ly hôn bà X yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên; Bà X không yêu cầu ông G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản chung và nợ chung:* Bà X trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Đinh Thị X có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị X, xử cho bà Đinh Thị X được ly hôn với ông Phan Đức G;

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà X về việc nhận nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo T cho đến khi đủ tuổi thành niên;

Ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà X trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến;

- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đinh Thị X có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp "*Ly hôn*" với ông Phan Đức G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đinh Thị X vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phan Đức G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội

đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông G tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/01/2010. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông G là hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; ông G thường xuyên rượu chè, gái gú, bỏ bê công việc, bà X đã nhiều lần cố gắng để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông G vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn nên từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông G. Còn ông G mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, chứng tỏ ông G không có nguyện vọng mong muốn được trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X, xử cho bà X được ly hôn với ông G.

[2.2] Về con chung: Bà X trình bày vợ chồng chung sống có 01 người con chung là cháu Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 29/10/2010. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu T cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Xét thấy, hiện nay cháu T còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với bà X. Bà X cho rằng mình có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà X về việc nhận nuôi con chung; giao cháu T cho bà X có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà X không yêu cầu nên ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.5] Về án phí: Bà X tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị X đối với ông Phan Đức G về việc tranh chấp "*Ly hôn*".

Xử cho bà Đinh Thị X được ly hôn với ông Phan Đức G.

2/ Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo T, sinh ngày 29/10/2010 cho bà Đinh Thị X có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Phan Đức G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đinh Thị X trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4/ Về án phí: Bà Đinh Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Đinh Thị X đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009676 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Đinh Thị X đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/3/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường